

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 16/2022/KDTM-GĐT

Ngày 05-12-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**.

Các Thẩm phán: Ông **Lê Tự** và ông **Nguyễn Cường**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Hằng** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Lê Phước Thạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Đ**; địa chỉ cư trú: LA0803, Block A, Chung cư L, số 67 M, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: **Công ty cổ phần K**; địa chỉ công ty: Số 08, đường H, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Xuân Đ1** - Chức vụ: Tổng giám đốc; địa chỉ: Số 08, đường H, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần N; địa chỉ trụ sở: Số 98 Trần Quang K, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nghiêm Xuân T** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3.2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần C; địa chỉ trụ sở: Số 108 Trần Hưng Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3.3. Ngân hàng N; địa chỉ trụ sở: Số 02 Láng H, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

3.4. Công ty Cổ phần Đ; địa chỉ công ty: Số 21, ngõ C, phường T, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân S - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3.5. Ông Nguyễn Xuân Đ1; địa chỉ cư trú: Số 08 Lương Thế V, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3.6. Bà Lê Thị Minh L; địa chỉ cư trú: Số 08 Lương Thế V, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Công ty Cổ phần K (sau đây viết tắt là Công ty K) là Chủ đầu tư dự án xây dựng K, tại số 08 Hùng V, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Để thực hiện dự án, từ ngày 11-3-2003 đến ngày 23-12-2011, Công ty K tiến hành vay và được Ngân hàng Thương mại Cổ phần N - Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây viết tắt là Vietcombank H), Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - Chi nhánh Thừa Thiên Huế (sau đây viết tắt là VietinBank H) và Ngân hàng N - Chi nhánh Thừa Thiên Huế (sau đây viết tắt là Agribank H) chấp thuận đồng tài trợ, cho vay theo Hợp đồng đồng tài trợ số 01/HĐĐTT/2003 ngày 11-3-2003, thông qua các hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng dài hạn số 05/HĐTD-ĐTT.2003 ngày 11-3-2003 và các Phụ lục hợp đồng; Hợp đồng tín dụng dài hạn số 06/HĐTD-ĐTT.2006 ngày 17-01-2006 và các Phụ lục hợp đồng; Hợp đồng tín dụng dài hạn số 07/HĐTD-TDH.NHNT2008 ngày 25-7-2008; Hợp đồng tín dụng dài hạn số 08/HĐTD-TDH.NHNT2009 ngày 16-01-2009; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2511/HC/2011 ngày 25-11-2011; Hợp đồng tín dụng số 66/2011/HDHM ngày 23-12-2011. Trong hợp đồng đồng tài trợ đã xác định Vietcombank H là Ngân hàng đầu mối, thay mặt và đại diện duy nhất cho bên cho vay thực hiện tất cả các giao dịch với bên vay.

Quá trình vay, Công ty K đã trả được một phần nợ gốc và lãi, sau đó không trả nợ theo các hợp đồng tín dụng nêu trên. Để thu hồi nợ, các Ngân hàng đưa khoản nợ ra bán đấu giá công khai và bà (Đ) đã trúng đấu giá khoản nợ này. Ngày 21-02-2018, bà và các Ngân hàng đã ký Hợp đồng mua bán khoản nợ đấu giá số 68/2018/HĐMBN-VCB-VIETINBANK-AGRIBANK, với giá 205.000.000.000 đồng để mua khoản nợ 255.709.068.795 đồng và 6.660.762,47 USD và bà đã chuyển trả đủ số tiền mua khoản nợ và nhận bàn giao toàn bộ các hồ sơ vay nợ từ phía Ngân hàng. Sau đó, bà đã liên hệ với Công ty K nhiều lần để yêu cầu trả nợ, nhưng Công ty K không hợp tác. Tính đến ngày 13-4-2021, Công ty K còn nợ của các hợp đồng tín dụng:

Tiền gốc 139.390.646.087 đồng và 4.055.423,26 USD, tiền lãi 179.223.095.983 đồng và 4.215.740 USD.

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, Công ty K thế chấp toàn bộ các công trình kiến trúc, các công trình phụ trợ, tài sản gắn liền với công trình, máy móc thiết bị, công cụ, dụng cụ của K tại số 08 Hùng V, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 4 và Quyền sử dụng đất thửa đất số 41, tờ bản đồ số 04 tại số 08 Lương Thế V, phường P, thành phố H, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T 787505, do Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 05-5-2004 cho Khách sạn H.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu Tòa án buộc Công ty K phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo các hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 13-4-2021, với số tiền 510.248.312.190 đồng, trong đó nợ gốc: 139.390.646.087 đồng và 4.055.423,26 USD; nợ lãi 179.223.095.983 đồng và 4.215.740 USD. Trường hợp Công ty K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ, thì yêu cầu xử lý các tài sản đảm bảo để thanh toán nghĩa vụ; đồng thời, phải trả lãi quá hạn trên số gốc của các Hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 14-4-2021 cho đến khi trả xong nợ.

- Bị đơn, Công ty Cổ phần K trình bày:

Công ty Cổ phần K thừa nhận đã ký kết các hợp đồng tín dụng như nguyên đơn trình bày, nhưng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có yêu cầu phản tố, với các nội dung sau: Hợp đồng mua bán khoản nợ đấu giá số 68/2018/HĐMBN-VCB-VIETINBANKAGRIBANK ngày 21-02-2018 ký giữa nguyên đơn và các Ngân hàng bị vô hiệu, vì trái quy định của pháp luật và trong quá trình đấu giá, các bên tham gia đấu giá thực hiện đấu giá sai quy định. Hợp đồng tín dụng dài hạn số 06/HĐTD-ĐTT.2006 ngày 17-01-2006 bị vô hiệu do các Phụ lục hợp đồng đã quy đổi khoản vay nợ gốc và lãi ra ngoại tệ (USD) theo tỷ giá tăng theo từng thời kỳ. Hiện nay, Công ty K có đơn trình báo gửi Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh T với nội dung: Quá trình xử lý mua, bán khoản nợ giữa Công ty Cổ phần K với Ngân hàng Thương mại Cổ phần N - Chi nhánh H tại phiên đấu giá ngày 12-02-2018. Ngân hàng Thương mại Cổ phần N có dấu hiệu không thực hiện đúng quy trình theo Nghị Quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội và đề án xử lý nợ xấu của hệ thống các tổ chức tín dụng gây thiệt hại đến quyền lợi của Công ty K.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần N trình bày:

Việc bán đấu giá khoản nợ của Công ty K là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đối với Hợp đồng tín dụng dài hạn số 06/HĐTD-ĐTT.2006 ngày 17-01-2006, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty K 72.560.000.000 đồng, với lãi suất 13,2%/năm. Sau đó, Công ty K có tờ trình xin đổi khoản tiền vay này sang vay USD để trả lãi suất thấp hơn, phía Ngân hàng đã căn cứ các quy định của Pháp lệnh ngoại hối năm 2005 và nhu cầu của Công ty K để ký kết phụ lục hợp đồng quy đổi khoản vay này sang vay USD là đúng quy định và có lợi cho Công ty K. Từ năm 2008, 2009

phía Ngân hàng đã cơ cấu lãi, cơ cấu thời hạn trả nợ, đã yêu cầu bàn giao tài sản thế chấp để xử lý, nhưng Công ty K không thực hiện. Từ năm 2014 đến năm 2018 đã khởi kiện Công ty K đến Tòa án, nhưng vẫn chưa giải quyết xong, nhiều năm liên Công ty K báo cáo lỗ, nên Ngân hàng không thể cho vay thêm hoặc cơ cấu lại khoản nợ theo Quyết Đ số 843/QĐ-TTg ngày 31-5-2013 của Thủ tướng Chính phủ, do đó đề nghị không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty K.

2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần C trình bày:

Thông nhất với nội dung trình bày của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N, đề nghị không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty K.

3. Ngân hàng N trình bày:

Thông nhất với nội dung trình bày của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N, đề nghị không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty K.

4. Công ty Cổ phần đấu giá Nam V trình bày:

Trình tự tiến hành đấu giá khoản nợ là đúng theo quy định của pháp luật, đề nghị không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty K về thủ tục đấu giá sai quy định.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2021/KDTM-ST 13-4-2021, Tòa án nhân dân thành phố Huế quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 147, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 317, 318, 319, 323, 325, 368, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 33 và Điều 72 của Luật Đấu giá tài sản 2016; các Điều 22, Điều 56 và 58 Nghị định số 163/2006/NĐCP ngày 29-12-2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm; Điều 11 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22-2-2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; điểm b khoản 1 Điều 3 và khoản 2, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần K đối với yêu cầu tuyên bố Hợp đồng mua bán nợ số 68/2018/HĐMBNVCB-VIETINBANK-AGRIBANK ngày 21-02-2018, giữa nguyên đơn và các Ngân hàng bị vô hiệu, vì trái quy định của pháp luật và trong quá trình đấu giá, các bên tham gia đấu giá, thực hiện đấu giá sai quy định và yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tín dụng dài hạn số 06/HĐTD-ĐTT.2006 ngày 17-01-2006 bị vô hiệu, do các phụ lục hợp đồng đã quy đổi khoản vay nợ gốc và lãi ra ngoại tệ (USD) theo tỷ giá tăng theo từng thời kỳ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ:

- Buộc Công ty Cổ phần K phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ tổng số tiền 510.248.312.190 đồng (năm trăm mười tỷ, hai trăm bốn mươi tám triệu ba trăm mười hai nghìn một trăm chín mươi đồng); trong đó: nợ gốc: 233.350.747.597 đồng (hai trăm ba mươi ba tỷ ba trăm năm mươi triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm chín

mười bảy đồng); nợ lãi: 276.897.564.593 đồng (hai trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi tư nghìn năm trăm chín mươi ba đồng).

- Công ty Cổ phần K phải tiếp tục thanh toán cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền lãi quá hạn phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 14-4-2021 đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp Công ty Cổ phần K không trả đủ nợ, thì bà Nguyễn Thị Đ có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là:

- Tài sản 01: Toàn bộ các công trình kiến trúc, các công trình phụ trợ, tài sản gắn liền với công trình, máy móc thiết bị, công cụ, dụng cụ của K tại số 8 Hùng V, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nằm trên lô đất số 39, tờ bản đồ số 4, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/NHNT-TCTS ngày 21-8-2007, kèm theo Danh mục kê biên tài sản, trang thiết bị số 01/TS.TTB-KSHC ngày 15-8-2007 và Danh mục tài sản, trang thiết bị số 02/TS.TTB-KSHC.

- Tài sản 02: Quyền sử dụng đất của thửa đất số 41, tờ bản đồ số 04 tại số 8 Lương Thế V, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T 787505, do Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 05-5-2004 cho Khách sạn H, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 012009/TCTS.VCBHUE ngày 01-6-2009.

Trường hợp tài sản thế chấp đã xử lý, nhưng không đủ thanh toán nợ gốc và lãi cho bà Nguyễn Thị Đ, thì bị đơn là Công ty Cổ phần K phải có nghĩa vụ trả tiếp số tiền nợ còn lại cho bà Nguyễn Thị Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 16-4-2021, Công ty K kháng cáo toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngày 21-4-2021 và ngày 01-11-2021, bà Lê Thị Minh L kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 88/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 26-4-2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại số 03/2021/KDTM-ST ngày 13-4-2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 02/2022/KDTM-PT ngày 16-3-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty Cổ phần K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Minh L; không chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 88/QĐKNPT-VKSKDTM ngày 26-4-2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H; giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2021/KDTM-ST ngày 14-3-2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Ngày 28-4-2022, Công ty K, ông Nguyễn Xuân Đ1 và bà Lê Thị Minh L có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 72/QĐ-VKS-KDTM ngày 14-11-2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 02/2022/KDTM-PT ngày 16-3-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2021/KDTM-ST ngày 13-4-2021 của Tòa án nhân dân thành phố H; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đối với việc không đưa Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Mặc dù, bà Nguyễn Thị Đ không trực tiếp ký Hợp đồng thuê đất số 27/HĐ-TĐ ngày 04-5-2006 với Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, nhưng sau khi trúng đấu giá, bà Đ được kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của Công ty K, theo đó bà Đ có quyền, nghĩa vụ đối với diện tích đất thuê tại số 08 Hùng V, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế như người thuê ban đầu là Công ty K. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không đưa Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

[1.2]. Đối với việc theo Giấy đăng ký kinh doanh, thì Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển S không có chức năng kinh doanh khách sạn:

Sau khi bà Nguyễn Thị Đ trúng đấu giá mua khoản nợ, thì việc bà Đ có tiếp tục kinh doanh khách sạn hay không, thì đó là việc riêng của bà Đ; trong trường hợp bà Đ sử dụng đất không đúng mục đích và không đúng với thỏa thuận tại hợp đồng thuê đất, thì Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có quyền yêu cầu bà Đ thực hiện theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng thuê đất nêu trên.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Đối với nội dung chuyển loại tiền cho vay từ VNĐ sang USD của hợp đồng:

Tại Công văn số 23/TT-HC ngày 17-10-2006, Công ty K đề nghị Ngân hàng chuyển khoản vay từ VNĐ sang USD, vì Công ty K có nguồn thu trực tiếp từ ngoại tệ 45%, nếu chuyển đổi sang vay USD thì chi phí lãi vay giảm trung bình 3.500.000.000 đồng/năm. Căn cứ công văn nêu trên, ngày 15-02-2007, Ngân hàng và Công ty K đã ký phụ lục hợp đồng chuyển khoản vay từ VNĐ sang USD; việc ký phụ lục hợp đồng này là tự nguyện, không bị ép buộc và đúng quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 966/2003/QĐ-NHNN ngày 22-8-2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và có lợi cho Công ty K; do đó, Hợp đồng tín dụng dài hạn số 06/HĐTD-ĐTT.2006 ngày 17-01-2006 và các phụ lục hợp đồng có giá trị pháp lý. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận việc chuyển loại tiền cho vay từ VNĐ sang USD đồng là có căn cứ.

[2.2]. Đối với nội dung không đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tài sản bảo đảm:

Tại khoản 2 Điều 6 của Hợp đồng mua bán khoản nợ đấu giá số 68/2018/HĐMBN-VCB-VIETINBANK-AGRIBANK (nghĩa vụ của Bên bán nợ) quy Đ: *“Chuyển giao nguyên trạng quyền và các nghĩa vụ liên quan đối với tài sản đảm bảo của khoản nợ (nếu có) cho Bên mua nợ”* - Bút lục số 1200. Tại Biên bản bàn giao hồ sơ khoản nợ giữa Ngân hàng Vietcombank và bà Nguyễn Thị Đ (bút lục số 176 - 193), phía Ngân hàng đã chuyển giao toàn bộ hồ sơ khoản nợ cho bà Đ. Như vậy, bà Đ đã trở thành người thế quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ theo hợp đồng mua bán nợ, nên bà Đ có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp mà Ngân hàng đã chuyển giao. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ hợp đồng mua bán nợ để tuyên bà Nguyễn Thị Đ được yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản đối với các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp của Công ty K với Ngân hàng là đúng pháp luật.

[2.3]. Đối với nội dung tài sản là diện tích đất tại số 08 Lương Thế V, thành phố H.

Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 012009/TCTS.VCBHUE ngày 01-6-2009 được ký kết giữa Khách sạn H và Ngân hàng Thương mại Cổ phần N - Chi nhánh H thể hiện bên thế chấp là Khách sạn H và có chữ ký của ông Nguyễn Xuân Đ1, đóng dấu Khách sạn H. Theo ông Nguyễn Xuân Đ1 và bà Lê Thị Minh L, tài sản trên là do công sức tạo lập của hai vợ chồng, bà L không biết và không đồng ý việc ông Đ1 một mình ký hợp đồng thế chấp toàn bộ tài sản trên cho Ngân hàng. Tuy nhiên, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, mặc dù tài sản thế chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Nguyễn Xuân Đ1 và bà Lê Thị Minh L, nhưng tại thời điểm thế chấp tài sản, bà L có biết và trong quá trình giải quyết vụ án, bà L không có ý kiến phản đối việc thế chấp tài sản này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp Công ty K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở.

[2.4]. Đối với nội dung tính lãi vay theo các hợp đồng tín dụng sau khi mua khoản nợ từ Ngân hàng:

Theo quy định của pháp luật, thì sau khi bà Nguyễn Thị Đ trúng đấu giá khoản nợ, thì bà Đ đã trở thành người thế quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ theo hợp đồng mua bán nợ; do đó, bà Đ có quyền được tính lãi theo các hợp đồng tín dụng mà Công ty K ký kết với Ngân hàng. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm tính lãi vay theo các hợp đồng tín dụng nêu trên cho bà Nguyễn Thị Đ là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337 và Điều 343 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 72/QĐ-VKS-KDTM ngày 14-11-2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 02/2022/KDTM-PT ngày 16-3-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- TAND thành phố H;
- TANDTC - Vụ II;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng GDKT II, LTHS.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Cường